

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Sương
2. Ông Trần Văn Thơi

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Tuyết M**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long**. - Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh **Lê Hồng T**, sinh năm 1987; Địa chỉ: **Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long**. - Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bà **Phạm Thị Tuyết M** trình bày: Chị và anh **T** vợ chồng kết hôn vào năm 2008, hôn nhân do quen biết, tự nguyện không bị ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** vào ngày 20/7/2009. Thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc nhưng kéo dài đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh **T** không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên uống rượu, ham chơi cá độ đá banh nên vợ chồng không hòa thuận thường cự cãi làm mất hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị **M** xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh **T** nên chị **M** yêu cầu ly hôn với anh **Lê Hồng T**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên **Lê Tiến D**, sinh ngày 16/12/2010 và **Lê Quốc V**, sinh ngày 25/8/2013, hiện các cháu đang sống với chị **M**. Cháu **Tiến D** và cháu **Quốc V** có ý kiến qua bằng tự khai đề cùng ngày 10/9/2023 nêu nguyện vọng được tiếp tục sống với chị **M** khi chị **M** và anh **T** ly hôn. Chị **M** yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con và yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là mỗi tháng 900.000 đồng/tháng/01 người con (02 người con 1.800.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **M** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **M** có đơn xin xét xử vắng mặt. do nơi ở xa, công việc xin nghỉ phép khó khăn. Chị **M** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh **T**. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên **Lê Tiến D**, sinh ngày 16/12/2010 và **Lê Quốc V**, sinh ngày 25/8/2013, yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng 900.000 đồng/tháng/01 người con (02 người con 1.800.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Phần ý kiến của bị đơn anh **Lê Hồng T**: Do anh **T** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của anh **T**. Anh **T** đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Phạm Thị Tuyết M** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Lê Hồng T** vắng mặt không lý do. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Phạm Thị Tuyết M** đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai. Ngày 25/01/2024 chị **M** có đơn xin xét xử vắng

mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **M**.

Bị đơn anh **Lê Hồng T** đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T**.

[3] Xét về hôn nhân: Qua thời gian quen biết chị **M** và anh **T** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã **M**, huyện **T**, tỉnh **Vĩnh Long**. Đây là hôn nhân hợp pháp nên việc chị **M** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở.

[-] Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị **M** trình bày chị và anh **T** thời gian đầu vợ chồng sống tương đối hạnh phúc với nhau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 và chính thức ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là anh **T** không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, thường xuyên uống rượu, ham chơi không chí thú làm ăn nên dẫn đến việc vợ chồng bất hòa thường cự cãi làm mất hạnh phúc gia đình. Hiện tại, chị **M** xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh **T**, không thể tiếp tục chung sống với anh **T** được nữa nên chị **M** giữ yêu cầu ly hôn với anh **Lê Hồng T**.

[-] Để bảo đảm sự khách quan trong giải quyết vụ án thì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo mời hòa giải nêu cụ thể rõ ràng yêu cầu khởi kiện của chị **M** cho anh **T** biết, mời anh **T** đến Tòa án để làm rõ ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị **M** cũng như hòa giải đoàn tụ cho hai bên nhưng anh **T** vẫn luôn vắng mặt, đồng thời không có văn bản nào gửi cho Tòa án nêu rõ lý do vắng mặt của mình hay ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị **M**. Điều này, cho thấy anh **T** không quan tâm cuộc hôn nhân này, mặc nhiên bỏ trôi vụ việc tùy vào yêu cầu của chị **M** và phán quyết của tòa. Đồng thời, cũng cho thấy được sự xem thường pháp luật của anh **T**. Anh **T** đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ.

[-] Từ những cơ sở trên, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **M** với anh **T** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Phạm Thị Tuyết m** đối với anh **Lê Hồng T**.

[4] Về con chung: Chị **M** trình bày vợ chồng có 02 con chung tên **Lê Tiến D**, sinh ngày 16/12/2010 và **Lê Quốc V**, sinh ngày 25/8/2013. Hiện nay các cháu đang do chị **M** chăm sóc nuôi dưỡng. Theo bảng tự khai cùng ngày 10/9/2023 thì cháu **Tiến D** và **Quốc V** cùng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị **M**, sau khi chị **M** và anh **T** ly hôn. Chị **M** yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng 900.000 đồng/tháng/01 người con (02 người con 1.800.000 đồng/tháng) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

[-] Tòa án đã thông báo cho anh **T** biết và mời anh **Lê Hồng T** đến Tòa án hòa giải để làm rõ yêu cầu nuôi con của chị **M** nhưng anh **T** nhiều lần vắng mặt

không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh **T** trong vấn đề này. Qua lời trình bày của chị **M** thì từ khi chị **M** và anh **T** ly thân đến nay hai cháu **Tiến D** và **Quốc V** đều do chị **M** chăm sóc nuôi dưỡng, anh **T** không liên lạc thăm hỏi chị và các con. Nhận thấy, các cháu đang được chị **M** chăm sóc đã ổn định nơi sinh sống và học tập, các cháu đã thích nghi việc sinh sống chung với chị **M**. Việc ổn định cuộc sống cũng như sự chăm sóc từ người mẹ cũng là điều kiện để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như tâm sinh lý cho các cháu hiện tại và về sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị **Phạm Thị Tuyết M**, giao 02 con chung tên **Lê Tiến D**, sinh ngày 16/12/2010 và **Lê Quốc V**, sinh ngày 25/8/2013 cho chị **M** tiếp tục nuôi dưỡng là đúng theo nguyện vọng của hai cháu và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn Nhân và Gia đình năm 2014.

[-] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **M** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi 02 con, số tiền cấp dưỡng theo quy định pháp luật mỗi tháng là 900.000đồng/01 người con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

[-] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con của chị **M** Tòa án cũng đã nhiều lần thông báo cho anh **T** biết nhưng anh **T** luôn vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu trên của chị **M**. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết như sau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, việc chị **M** yêu cầu anh **T** cấp dưỡng cho mỗi người con là 900.000 đồng/01 tháng/01 người con là phù hợp với quy định của pháp luật về mức cấp dưỡng cho con là không quá 1/2 tháng lương cơ bản của nhà nước quy định. Việc cấp dưỡng cũng là để anh **T** có trách nhiệm cũng như nghĩa vụ đối với hai con đồng thời cũng hỗ trợ chị **M** trong việc chăm sóc giáo dục con tốt hơn.

[-] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của chị **M**. Buộc anh **Lê Hồng T** cấp dưỡng cho 02 con cháu **Tiến D** và **Quốc V** mỗi tháng 900.000đồng/01 người con/ 01 tháng cho đến khi cháu **Tiến D** và **Quốc V** đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[-] Anh **Lê Hồng T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[-] Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Lê Hồng T** vắng mặt. Chị **M** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc Chi **Phạm Thị Tuyết M** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000351, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh **Lê Hồng T** phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi hai con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Đ a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Tuyết M**

1.1 Về hôn nhân: Cho chị **Phạm Thị Tuyết M** được ly hôn với anh **Lê Hồng T**

1.2 Về con chung: Giao 02 con chung tên **Lê Tiến D**, sinh ngày 16/12/2010 và **Lê Quốc V**, sinh ngày 25/8/2013 cho chị **Phạm Thị Tuyết M** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh **Lê Hồng T** phải cấp dưỡng cho 02 con **Tiến D** và **Quốc V** mỗi tháng 900.000 đồng/ 01 người con/ tháng cho đến khi cháu **Tiến D** và **Quốc V** đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh **Lê Hồng T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Do **Lê Hồng T** vắng mặt. Chị **Phạm Thị Tuyết M** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị **Phạm Thị Tuyết M** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000351, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh **Lê Hồng T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH: 01b;
- Đường sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Kim Liên